

Số: 20 /BC-UBND

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO

**Về việc thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng
(từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2015)**

I. Đặc điểm tình hình.

Thanh Hoá nằm ở khu vực Bắc Trung bộ, với tổng diện tích tự nhiên là 11.131,9 km². Dân số gần 3,5 triệu người với 07 dân tộc, mật độ dân số trung bình là 328 người/km², phân bố dân cư không đều giữa các vùng trong tỉnh; có 20 sở, ban, ngành cấp tỉnh (16 Sở, 04 ban, ngành cấp tỉnh); 27 đơn vị hành chính: 1 thành phố, 2 thị xã và 24 huyện, trong đó có 11 huyện miền núi; toàn tỉnh có 07/63 huyện nghèo cả nước; có 637 đơn vị hành chính cấp xã với 6.031 thôn, bản, phố. Hệ thống tổ chức sự nghiệp công lập gồm: 16 đơn vị sự nghiệp đào tạo; 2.170 đơn vị sự nghiệp giáo dục; 708 đơn vị sự nghiệp y tế và 120 đơn vị sự nghiệp khác. Toàn tỉnh có 78.428 cán bộ, công chức, viên chức thuộc biên chế do UBND tỉnh quản lý, trong đó: có 4.357 cán bộ, công chức hành chính; 60.562 viên chức sự nghiệp và 13.609 cán bộ công chức cấp xã (gồm 6.672 cán bộ, 6.937 công chức).

Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế kinh tế của tỉnh đạt mức độ khá; nhiều cơ chế thu hút, hỗ trợ đầu tư được triển khai, vì vậy được nhiều nhà đầu tư quan tâm triển khai đầu tư các dự án; trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã và đang triển khai thực hiện nhiều Dự án lớn liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường GPMB. Được sự quan tâm thường xuyên, chỉ đạo, điều hành kịp thời của Thường trực Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh cùng với sự cố gắng nỗ lực của các cấp, các ngành, công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng đã góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

II. Kết quả thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng

1. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

1.1. Về xây dựng và ban hành các chế độ, định mức, tiêu chuẩn

Việc rà soát, ban hành các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được UBND tỉnh Thanh Hóa và các đơn vị trực thuộc thực hiện trên tất cả các lĩnh vực. Từ năm 2011 đến nay, tỉnh Thanh Hóa đã ban hành 428 văn bản quy định

về định mức, tiêu chuẩn; sửa đổi, bổ sung 150 văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn trên các lĩnh vực như: quản lý đầu tư xây dựng, quản lý ngân sách, chế độ quản lý sử dụng phương tiện đi lại, giáo dục đào tạo, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật...

Các cấp, các ngành, đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền, khoán định mức ngân sách, thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp. Nhiều đơn vị đã chủ động rà soát, điều chỉnh, bổ sung và ban hành nhiều quy chế, quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn áp dụng trong cơ quan, đơn vị; điều chỉnh, bổ sung Quy chế chỉ tiêu nội bộ nhằm tăng cường chất lượng hoạt động, sử dụng tiết kiệm nguồn vốn nhà nước, hiệu quả sử dụng tài sản công, nhằm ngăn ngừa tham nhũng.

Công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được chú trọng và có kết quả cụ thể. Từ năm 2011 đến năm 2015 đã tiến hành 157, các cấp, các ngành đã thực hiện nhiều cuộc kiểm tra việc thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn, phát hiện 05 vụ vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, 09 người bị xử lý. Nhìn chung, các đơn vị đã đẩy mạnh rà soát, xây dựng, thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn, qua đó đã nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản của Nhà nước, tích cực phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

1.2. Việc thực hiện qui tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ công chức viên chức

UBND tỉnh Thanh Hóa đã quán triệt và chỉ đạo các đơn vị căn cứ Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ xây dựng Quy tắc ứng xử, các quy chế, quy định, nội quy; thực hiện nếp sống văn hóa công sở, từng bước nâng cao trách nhiệm cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ được giao, góp phần phòng, ngừa tham nhũng.

Đầu các năm âm lịch, Chủ tịch UBND tỉnh đều có Công điện về việc chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính; nghiêm cấm sử dụng xe công đi lễ hội và tổ chức đi lễ hội trong giờ hành chính, về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Các sở, ngành và các huyện, thị xã, thành phố đã chỉ đạo cán bộ, công chức trong ngành, trong cơ quan, đơn vị thực hiện tốt quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp đã ban hành; chấp hành nguyên tắc trong thực thi công vụ; xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát cán bộ, công chức thực thi công vụ. Nhiều đơn vị xây dựng và ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm

vụ của từng chức danh công việc; quy chế thi đua, khen thưởng...

Nhìn chung, việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ công chức, viên chức đã có chuyển biến về mặt nhận thức; phong cách ứng xử trong hoạt động giao tiếp và thực thi công vụ giữa cán bộ công chức với công dân và doanh nghiệp đã được cải thiện.

1.3. Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng;

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã phổ biến, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác; nguyên tắc, nội dung, hình thức chuyển đổi; xác định rõ các vị trí công tác phải thực hiện định kỳ chuyển đổi theo qui định. Nhiều cơ quan đơn vị đã xây dựng kế hoạch định kỳ chuyển đổi công tác đối với cán bộ công chức, viên chức và công khai trong cơ quan đơn vị.

Đối tượng chuyển đổi vị trí công tác chủ yếu là cán bộ, công chức, viên chức thuộc văn phòng sở, UBND huyện, thị xã, thành phố; công chức địa chính, xây dựng; tài chính - kế toán xã; kế toán các đơn vị trường học, công việc thường xuyên tiếp xúc với các tổ chức và công dân.

Kết quả thực hiện: Từ năm 2011 đến năm 2015 các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với 1.701 công chức, viên chức. Trong đó: Năm 2011 là 277 người; Năm 2012 là 463 người; Năm 2013 là 384 người; Năm 2014 là 317 người; Năm 2015 là 260 người.

1.4. Trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng

Việc thực hiện qui định về xử lý trách nhiệm của người đứng đầu theo Nghị định số 107/2006/NĐ-CP và Nghị định số 211/2013/NĐ-CP của Chính phủ có ý nghĩa tích cực trong việc nêu cao ý thức, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức đơn vị nhà nước trong công tác quản lý, giám sát công chức, viên chức, người lao động thuộc quyền quản lý trực tiếp, nhằm phòng ngừa tham nhũng.

- Trong 04 năm, tổng số vụ việc tham nhũng có liên quan đến trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được phát hiện là 11 vụ việc; đã xử lý trách nhiệm 08 vụ việc (Còn lại 03 vụ việc đang trong quá trình xem xét, xử lý).

- Số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu phải chịu trách nhiệm do để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình trực tiếp quản lý, phụ trách đã xử lý trách nhiệm: 12 người. Tiến hành xử lý kỷ luật: 11 người (khiển trách: 3; cảnh cáo: 6; cách chức: 2).

1.5. Việc thực hiện cải cách hành chính

- Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai:

- UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, quán triệt các sở, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố nghiêm túc, triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng, của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ, ngành liên quan đến đẩy mạnh cải cách hành chính; ban hành các văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện (Nghị quyết số 02-NQ/TU của BCH Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, giai đoạn 2011-2015; Nghị quyết số 33/2012/NQ-HĐND ngày 04/7/2012 của HĐND tỉnh về giám sát việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính; Chương trình xây dựng văn bản QPPL hàng năm của HĐND và UBND tỉnh; Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 23/5/2012 Ban hành kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2011-2015; Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 23/02/2013 về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; Chỉ thị số 27/CT-UBND ngày 17/11/2011 về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước; Công văn số 2544/UBND-NN ngày 16/4/2013 yêu cầu nghiêm túc thực hiện “3 không”: 1. không phiền hà, sách nhiễu, 2. không yêu cầu bổ sung hồ sơ quá 1 lần trong quá trình kiểm tra, thẩm định, trình giải quyết công việc, 3. không trễ hẹn).

Kết quả thực hiện:

- Về cải cách thể chế:

+ Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của HĐND, UBND các cấp được thực hiện đúng trình tự quy định, phù hợp với quy định của pháp luật. Dự thảo Nghị quyết của HĐND, quyết định của UBND tỉnh giao Sở Tư pháp thẩm định, lấy ý kiến của sở, ngành, địa phương tham gia và đánh giá tác động trước khi ban hành. Các văn bản QPPL khi được ban hành đều phù hợp với thực tiễn quản lý nhà nước và không trái với pháp luật hiện hành.

+ Công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL được tiến hành thường xuyên ở các cấp, các ngành trong tỉnh nhằm phát hiện những điểm bất cập, chưa phù hợp để bãi bỏ, bổ sung, sửa đổi theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền bãi bỏ, bổ sung, sửa đổi theo quy định; đến 2015 trên 70% văn bản thuộc loại này đã được rà soát, đạt theo kế hoạch đề ra.

- Về cải cách thủ tục hành chính:

+ Rà soát, đánh giá, đơn giản hoá, công khai minh bạch thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp liên quan đến

giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) của cơ quan hành chính nhà nước; đánh giá tác động 100% quy định về TTHC có trong dự thảo; công bố kịp thời, đúng quy định TTHC mới ban hành và công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

+ Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh là 1.816 thủ tục; trong đó thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh là 1.341; cấp huyện là 270; cấp xã là 205 thủ tục.

+ Việc công khai TTHC được thực hiện theo các hình thức: niêm yết tại trụ sở làm việc (bộ phận tiếp nhận và trả kết quả), trên Website của cơ quan, cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.

+ 100% cơ quan hành chính nhà nước (20 sở, ngành, 27 đơn vị UBND cấp huyện, 637 đơn vị UBND cấp xã) đã thực hiện giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

+ Mức độ hài lòng của tổ chức, công dân, doanh nghiệp (qua khảo sát của Ngân hàng thế giới tại Việt Nam và Sở Nội vụ năm 2014) trong việc cung cấp một số dịch vụ hành chính công là 82,8% (so với kế hoạch đến năm 2015 mức độ hài lòng về dịch vụ công giáo dục, y tế đạt 60%).

- Về cải cách bộ máy:

+ Tổ chức bộ máy cơ quan hành chính nhà nước được sắp xếp, kiện toàn theo quy định. Đối với tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thực hiện theo Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện thực hiện theo Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ. Hiện nay, UBND tỉnh đang chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 24/4/2014 và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ.

+ Việc phân cấp quản lý nhà nước đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, phát huy tính chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các ngành, các cấp.

+ Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: Chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức viên chức thông qua thi tuyển công khai, cạnh tranh, tuyển dụng không qua thi tuyển, xét tuyển đối với người tốt nghiệp loại giỏi ở nước ngoài, thực hiện chính sách thu hút những người có trình độ đại học chính qui trở lên vào công tác tại xã, phường, thị trấn (Quyết định số QĐ số 789/2010/QĐ-UBND ngày 11/3/2010 của UBND tỉnh Thanh Hoá).

+ Thực hiện sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Tỉnh Thanh Hoá đã xây dựng Đề án và trình Bộ Nội vụ phê duyệt. Theo đó 100% cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí việc làm.

- Cải cách tài chính công:

+ Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập: 100% đơn vị đã thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, việc thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đã tạo điều kiện thuận lợi để các ngành, các cấp, các đơn vị phát huy tính chủ động, sáng tạo trong sắp xếp tổ chức, bộ máy gọn, nhẹ, hiệu quả hơn; phát huy được vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và từng tập thể, cá nhân trong việc khai thác các nguồn lực, tiết kiệm kinh phí để nâng cao thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức.

+ Thực hiện chính sách khuyến khích hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài; chế độ, chính sách đối với giáo viên là giáo sư, tiến sỹ trong nước được mời dạy bồi dưỡng cho học sinh tỉnh Thanh Hóa tham dự thi chọn học sinh giỏi quốc tế; hỗ trợ kinh phí thực hiện cơ chế khuyến khích phát triển giao thông nông thôn; cấp kinh phí thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh, thực hiện các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội...

- Hiện đại hoá nền hành chính:

+ Tiếp tục đẩy mạnh, ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001-2008, đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất cơ quan hành chính nhà nước, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

+ Đến nay 100% sở, ban, ngành, UBND cấp huyện được đầu tư xây dựng mạng LAN và triển khai cài đặt phần mềm quản lý hồ sơ công việc; 272 đơn vị cấp xã đã có kết nối Internet và 95 đơn vị đã xây dựng mạng LAN. Hoàn thành việc tích hợp tới tất cả các Website thành phần tại các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện đảm bảo cung cấp dịch vụ công ở mức độ 2 và 39 dịch vụ hành chính công được thực hiện ở mức độ 3; 40 cơ quan hành chính nhà nước triển khai

thực hiện và áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000 và ISO 9001: 2008.

+ Nhìn chung, công tác cải cách hành chính luôn được các cấp, các ngành quan tâm; hàng năm đều có kế hoạch chỉ đạo, tổ chức thực hiện; kết quả cải cách hành chính trên các mặt đều đạt hoặc vượt chỉ tiêu so với kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh giai đoạn 2011-2015.

1.6. Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản

Đến nay, trên 95% cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đã thực hiện thanh toán lương qua tài khoản; số ít còn lại chưa thực hiện do cơ quan, đơn vị ở vùng sâu, vùng xa, chưa có hệ thống máy ATM như ở các huyện Mường Lát, Quan Sơn, Quan Hóa...

1.7. Việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

UBND tỉnh Thanh Hóa chỉ đạo các cấp, các ngành đẩy mạnh công khai, minh bạch chính sách, quy trình, thủ tục giải quyết công việc, gắn với cải cách thủ tục hành chính; công khai việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công, phân bổ dự toán, phân cấp nguồn thu, công khai các chế độ, định mức, tiêu chuẩn, qua đó đã tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp, các cơ quan chức năng biết và giám sát việc thực hiện.

Tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, việc công khai tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ đã từng bước có nề nếp. Hình thức công khai theo đúng quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng như: thông báo tại các cuộc họp, niêm yết tại trụ sở; công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, cung cấp thông tin khi có yêu cầu...

1.8. Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập

Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo Thanh tra tỉnh tham mưu thực hiện việc kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập; chủ động ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, đôn đốc việc kê khai, tài sản, thu nhập.

Năm 2011 toàn tỉnh có 70 đơn vị báo cáo việc kê khai tài sản, thu nhập với 2.118 người phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu; 13.831 người kê khai bổ sung. Tổng số người đã kê khai 15.726 người.

Năm 2012 toàn tỉnh có 72 đơn vị báo cáo việc kê khai tài sản, thu nhập với 4.492 người phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu; 9.653 người kê khai bổ sung. Tổng số người đã kê khai 13.680 người.

Năm 2013 toàn tỉnh có 86/86 cơ quan, đơn vị nhà nước của tỉnh đã thực hiện kê khai tài sản, cụ thể:

- Số người phải kê khai tài sản, thu nhập trong năm 2013 là 23.411 người (tăng 8.614 người so với năm trước, do bổ sung đối tượng phải kê khai);

- Số người đã kê khai tài sản, thu nhập trong năm 2013 là 23.073/23.411 người thuộc diện phải kê khai (đạt 98,56%), gồm: 15.673 người có bản kê khai tài sản, thu nhập lưu giữ tại cơ quan, đơn vị và 7.400 người có bản kê khai thuộc diện cấp ủy các cấp và cấp trên quản lý.

- Đã công khai 22.010/23.073 bản kê khai (đạt 95,4%), gồm: công khai theo hình thức niêm yết là 4.447 bản (chiếm 20,2%) và công khai theo hình công bố trực tiếp tại cuộc họp là 17.563 bản (chiếm 79,8%).

- Năm 2014, toàn tỉnh có 81/86 cơ quan, tổ chức, đơn vị hoàn thành báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập năm 2014 về Thanh tra tỉnh, cụ thể:

+ Số người phải kê khai tài sản, thu nhập năm 2014 là 22.715 người (giảm so với năm trước là 637 người). Nguyên nhân giảm là do đối tượng phải kê khai minh bạch tài sản, thu nhập theo quy định tại một số doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý và một số đơn vị giảm.

+ Số người đã kê khai tài sản, thu nhập là 22.480/22.715 người (đạt 98,96%) số người phải kê khai.

+ Đã thực hiện công khai là 21.805/22.480 bản (đạt 97%);

+ Số người đã có kết luận về minh bạch tài sản, thu nhập: 01 người;

+ Số người có kết luận không trung thực trong minh bạch tài sản, thu nhập, đã bị xử lý kỷ luật: 01 người;

- Năm 2015, Thanh tra tỉnh đã ban hành các văn bản hướng dẫn, đôn đốc việc kê khai tài sản, thu nhập; hiện nay Thanh tra tỉnh đang tổng hợp báo cáo của các đơn vị.

Nhìn chung việc kê khai tài sản, thu nhập được triển khai đảm bảo chất lượng kể cả nội dung và hình thức; các cơ quan có thẩm quyền đã tiến hành xác minh 270 trường hợp kê khai, có 01 trường hợp kê khai sai quy định. Một số đối tượng trong danh sách phải kê khai nhưng không tiến hành kê khai do một số nguyên nhân sau: Do nghỉ chế độ hưu trí; do đi học; nghỉ thai sản; ốm đau đột xuất...

Tháng 5/2014, Thanh tra Chính phủ kiểm tra việc triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập tại một số cơ quan, đơn vị nhà nước của tỉnh. Qua kiểm tra, đánh giá công tác chỉ đạo, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện của UBND tỉnh tương đối kịp thời, nghiêm túc.

1.9. Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng

Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa đã chỉ đạo các đơn vị nghiêm túc thực hiện Quyết định số 64/2007/QĐ-TTg ngày 10/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tặng quà, nhận quà và nộp quà của cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng ngân sách Nhà nước và của cán bộ, công chức viên chức.

Thanh tra tỉnh có nhiều văn bản đôn đốc báo cáo, nắm bắt tình hình vi phạm trong việc tặng quà và nhận quà tại các cơ quan, đơn vị nhà nước. Qua theo dõi, nắm bắt tình hình cho thấy, từ năm 2011 đến nay các cơ quan, đơn vị không có phản ánh về trường hợp cán bộ, công chức, viên chức vi phạm Quyết định số 64/2007/QĐ-TTg ngày 10/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

1.10. Trong công tác quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước:

Căn cứ Luật Ngân sách và các quy định của Nhà nước, Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh Thanh Hóa đã thực hiện giao chỉ tiêu kế hoạch Kinh tế - Xã hội và dự toán ngân sách năm cho các đơn vị trực thuộc. UBND tỉnh đã ban hành Quy chế quản lý, điều hành ngân sách các cấp; đồng thời chỉ đạo các đơn vị nghiêm túc thực hiện công khai định mức, chế độ, tiêu chuẩn chi thường xuyên, mua sắm thiết bị; thực hiện chỉ tiêu ngân sách hợp lý, cắt giảm những khoản chưa cần thiết.

Thực hiện Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06/01/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính, hàng năm tỉnh Thanh Hóa đã thực hiện công khai dự toán và quyết toán theo các biểu mẫu quy định tại Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06/01/2005. Các quyết định công khai dự toán, quyết toán được công bố trên website của tỉnh Thanh Hóa.

Đối với các huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh, thủ trưởng đơn vị dự toán ngân sách công bố công khai trong nội bộ đơn vị về dự toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao, quyết toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hình thức công khai bằng văn bản, niêm yết tại đơn vị, công bố trong hội nghị cán bộ công chức của đơn vị.

Các đơn vị trong tỉnh đã thực hiện nghiêm chỉnh việc công khai dự toán và quyết toán, tuy nhiên vẫn còn một số đơn vị thực hiện chưa đúng về nội dung công khai, hình thức và thời điểm công khai.

1.11. Việc công khai, minh bạch trong việc mua sắm công, trong đầu tư xây dựng cơ bản và quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Về công khai việc phân bổ vốn đầu tư: UBND tỉnh Thanh Hóa đã chỉ

đạo các cơ quan, đơn vị quản lý, phê duyệt, triển khai dự án đầu tư thực hiện đúng các quy trình, quy chế quản lý đầu tư hiện hành của nhà nước, thực hiện đầu tư tập trung, không dàn trải; tăng cường công tác quyết toán vốn đầu tư. UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị chấp hành đúng quy định trong công tác lập và phân bổ kế hoạch vốn. Các huyện, thị xã, thành phố thực hiện phân bổ nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung cho các dự án chuyên tiếp; hạn chế tối đa các dự án mới, chủ yếu ưu tiên cho các dự án dân sinh bức xúc. Việc phân bổ nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu theo danh mục chi tiết đã được UBND tỉnh phê duyệt. Hình thức công khai được đăng tải trên trang web của tỉnh, gửi đến các đơn vị có liên quan. Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo kế hoạch vốn đến các Chủ đầu tư. Thời điểm công khai thực hiện ngay sau khi có quyết định giao kế hoạch vốn được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

- Công tác lập dự án, kế hoạch đầu thầu, thông báo mời sơ tuyển, kết quả mời sơ tuyển, mời thầu, công khai danh mục nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế, công khai danh sách ngắn nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế, kết quả lựa chọn nhà thầu được thực hiện công khai. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng cơ bản được công khai tại cổng thông tin điện tử của tỉnh, của huyện, tại các xã có công trình đầu tư xây dựng, Công khai trên báo đấu thầu đối với trường hợp đấu thầu rộng rãi. Công khai bằng các biển báo tại nơi xây dựng công trình.

Kết quả thực hiện các dự án từ khâu triển khai đến kết thúc dự án đều được công khai đầy đủ theo quy định.

1.12. Việc công khai, minh bạch trong quản lý và sử dụng đất;

- Công khai, minh bạch các thủ tục thẩm định, phê duyệt dự án; đấu thầu dự án, đấu giá đất để lựa chọn nhà đầu tư:

Thực hiện trình tự thủ tục Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 Quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; kể từ ngày 01/7/2014 trình tự thủ tục được thực hiện theo Điều 69 Luật Đất đai 2013 và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo hình thức tổ chức họp trực tiếp với người dân trong khu vực có đất thu hồi, đồng thời niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi. Việc tổ chức lấy ý kiến được lập thành biên bản có xác nhận của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, đại diện những

người có đất thu hồi.

Sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến từng người có đất thu hồi, trong đó ghi rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có), thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có) và thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Việc thẩm định và công khai kết quả thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được quy định chặt chẽ, chỉ đạo thực hiện đảm bảo công khai minh bạch.

- Công khai, minh bạch trong trình tự thu hồi đất, giải phóng mặt bằng và tái định cư; công khai trong quá trình lập và điều chỉnh quy hoạch kế hoạch sử dụng đất:

Ngày 08/7/2013, UBND tỉnh có Quyết định số 2360/QĐ-UBND công bố bộ thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai. Theo đó, thủ tục hành chính thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất đã giảm từ 29 thủ tục năm 2010 xuống còn 06 thủ tục; thời gian giải quyết thủ tục giảm từ 20 ngày làm việc (theo quy định của pháp luật đất đai) xuống còn 14 ngày làm việc.

Về trình tự thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư; bồi thường, hỗ trợ tái định cư được thực hiện nghiêm theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 2072/2010/QĐ-UBND ngày 11/6/2010 (nay được thay thế bằng Quyết định số 599/2013/QĐ-UBND ngày 12/02/2013 của UBND tỉnh). Trong đó quy định trình tự, thủ tục, thời gian thực hiện đối với từng công việc cụ thể; việc niêm yết công khai, lấy ý kiến nhân dân đối với các phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

- Về công khai trong quá trình lập và điều chỉnh quy hoạch kế hoạch sử dụng đất:

Quá trình tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch được thực hiện một cách công khai, minh bạch; việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của nhân dân đối với quy hoạch sử dụng đất chi tiết được thực hiện đúng quy định tại Điều 18 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP; đã có sự phối hợp giữa các cấp, các ngành từ khâu lập đến thẩm định, phê duyệt; việc lập, điều chỉnh quy hoạch, là căn cứ để các cấp,

các ngành nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, khắc phục tình trạng tùy tiện trong giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng đất phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn; đồng thời là cơ sở để giám sát việc thực hiện quy hoạch, góp phần ngăn chặn có hiệu quả việc giao cấp đất trái thẩm quyền, sử dụng đất không đúng với quy hoạch được duyệt.

- Công khai, minh bạch trong việc cấp GCN quyền sử dụng đất:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo chính xác, đúng trình tự, thủ tục, rút ngắn thời gian thực hiện. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đã gắn với việc đo đạc bản đồ và lập hồ sơ địa chính; việc công bố công khai danh sách các trường hợp xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các trường hợp đủ điều kiện và không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện đúng quy định. Các tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngay sau khi được giao đất, cho thuê đất, không phải tách thành các thủ tục riêng biệt; thời gian cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được giảm từ 50 ngày làm việc (quy định của pháp luật đất đai) xuống còn 23 ngày làm việc.

- Công khai, minh bạch quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Việc công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được thực hiện nghiêm túc đúng quy định tại Điều 28 Luật Đất đai năm 2003; Điều 27 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003; Điều 48 Luật Đất đai 2013.

Sở Tài nguyên và Môi trường công bố công khai toàn bộ tài liệu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) tỉnh Thanh Hóa tại trụ sở làm việc của Sở và trên website của Sở. Đồng thời thông báo công bố quy hoạch sử dụng đất đến các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức cá nhân và các tầng lớp nhân dân. Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp xã cũng được niêm yết, công bố công khai đúng quy định.

Các công trình, dự án được chấp thuận địa điểm, chủ trương đầu tư đều phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Do thực hiện tốt việc công khai minh bạch trong công tác quản lý sử dụng đất, nên đã hạn chế nhiều tình trạng khiếu nại, tố cáo liên quan đến lĩnh vực đất đai trong thời gian gần đây.

1.13. Công khai, minh bạch trong công tác tổ chức, cán bộ

Tỉnh Thanh Hóa đã ban hành các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, qui trình bổ nhiệm như: Quyết định số 485/QĐ-TU ngày 28/5/2012 của Tỉnh ủy

Thanh Hoá; Qui chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức, viên chức ban hành kèm theo Quyết định số 1138/2002/QĐ-UB ngày 16/04/2002 của UBND tỉnh Thanh Hoá và qui định, hướng dẫn của cấp uỷ cùng cấp.

Về cơ bản, việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức viên chức lãnh đạo của các cơ quan đơn vị trong tỉnh từ năm 2011 đến nay của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm, qui trình, thủ tục bổ nhiệm về cơ bản đảm bảo công khai dân chủ, đúng qui định của cấp có thẩm quyền.

Việc tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, chuyển ngạch, luân chuyển, điều động và miễn nhiệm đối với công chức, viên chức, cán bộ và người lao động được thực hiện theo quy trình và được công khai trong các cuộc họp để mọi người biết và giám sát, đồng thời thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi có công chức, viên chức, cán bộ và người lao động được quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, chuyển ngạch, luân chuyển, điều động và miễn nhiệm.

Trong những năm gần đây, UBND tỉnh đã tổ chức các kỳ thi tuyển công chức vào các cơ quan hành chính nhà nước; Việc tổ chức thi tuyển được công bố công khai, công tác triển khai đảm bảo chặt chẽ có sự tham gia của nhiều cơ quan đơn vị và mời Bộ Nội vụ giám sát quá trình thi tuyển; qua đó đã tạo được môi trường công bằng, lành mạnh trong việc tuyển dụng công chức, lựa chọn được những công chức có năng lực, trình độ, có chất lượng;

2. Đánh giá tình hình tham nhũng, công tác phòng chống tham nhũng

a) Đánh giá tình hình tham nhũng

Tình hình tham nhũng vẫn diễn biến phức tạp; hành vi tham nhũng tình vi hơn, các hành vi tham ô tài sản, lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ vẫn còn xảy ra ở nhiều lĩnh vực như: Đầu tư xây dựng, quản lý đất đai, thương mại, tài chính...với những nguyên nhân chủ yếu:

- Công tác quản lý Nhà nước trên một số lĩnh vực vẫn còn sơ hở; một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quan tâm giải quyết đơn thư tố cáo của công dân liên quan đến tham nhũng và hành vi có liên quan tham nhũng; chưa chủ động thực hiện kiểm tra, thanh tra phòng, chống tham nhũng.

- Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra về phòng, chống tham nhũng còn hạn chế.

- Một bộ phận cán bộ, công chức thiếu tu dưỡng rèn luyện, lợi dụng sơ hở trong quản lý, cơ chế, chính sách để thực hiện hành vi tham nhũng; lợi dụng nhiệm vụ được giao để nhũng nhiễu, vòi vĩnh; cố ý làm trái những quy định, quy trình công tác để vụ lợi.

b) Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng

- Công tác phòng, chống tham nhũng luôn được Thường trực Tỉnh ủy, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, bước đầu đã mang lại kết quả tích cực.

- So với cùng kỳ năm trước thì kỷ cương, kỷ luật hành chính, hiệu lực pháp luật trong mọi lĩnh vực (nói chung) và lĩnh vực phòng, chống tham nhũng (nói riêng) có nâng lên, tình hình dư luận xã hội, tâm tư, hành động của đại bộ phận cán bộ, công chức và nhân dân đều đồng tình và hưởng ứng thực hiện pháp luật phòng, chống tham nhũng nên góp phần tạo ra hiệu quả tốt cho công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

III. Những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất

1. Khó khăn, vướng mắc

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng tuy được quan tâm bằng nhiều thức phong phú, nhưng vẫn thiếu tính hệ thống, chưa phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành; nội dung tuyên truyền chưa thật sự hấp dẫn, chưa thường xuyên; chưa làm thay đổi căn bản nhận thức, vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

- Một số giải pháp phòng ngừa tham nhũng khi triển khai thực hiện ở địa phương gặp những khó khăn, cụ thể: việc thực hiện về chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức khó áp dụng và thực hiện cho một số đối tượng, do đặc thù chuyên môn nghề nghiệp, không có vị trí chuyển đổi phù hợp, thiếu người thay thế; thời gian chuyển đổi theo quy định ngắn nên khó thực hiện, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công việc; hiệu quả công tác kê khai, minh bạch tài sản chưa cao, vẫn còn trường hợp kê khai hình thức, đối phó, nhưng khó kiểm soát.

- Hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng ở một số đơn vị, cơ sở chưa đạt yêu cầu; chất lượng kiểm tra, thanh tra chưa sâu, tuy phát hiện nhiều sai phạm về kinh tế, nhưng đấu tranh xác định hành vi tham nhũng để chuyển vụ việc sang cơ quan điều tra xem xét, xử lý hình sự còn hạn chế; sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng (Thanh tra, Công an, Tòa án, Viện kiểm sát) về cung cấp, trao đổi thông tin và phối hợp xử lý các vụ tham nhũng có lúc, có việc chưa thường xuyên và kịp thời.

- Việc tự kiểm tra phát hiện hành vi tham nhũng trong các cơ quan, đơn vị còn hạn chế, hầu như chưa có vụ việc tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát định kỳ của các cơ quan chức năng cấp tỉnh, cấp huyện, cấp

xã; số lượng thông tin, tố giác, tố cáo hành vi tham nhũng của quần chúng nhân dân, các tổ chức, doanh nghiệp chưa nhiều.

2. Kiến nghị, đề xuất

a) Đối với Trung ương

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN; chỉ đạo hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định của pháp luật về PCTN, nhằm đảm bảo thực thi hiệu quả, đồng bộ, dễ áp dụng, đặc biệt là đối với một số giải pháp phòng ngừa tham nhũng theo quy định của Luật PCTN. Nghiên cứu để có quy định về việc tiếp nhận, xử lý đơn tố cáo nặc danh hoặc giấu tên về tham nhũng; hoàn thiện, điều chỉnh quy định xử lý tài sản tham nhũng; điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn cụ thể hơn về việc thực hiện quy định chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ công chức theo Nghị định 158/2007/NĐ-CP, Nghị định 150/2013/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định thực hiện kiểm soát chặt chẽ, hiệu quả hơn nguồn tài sản, thu nhập của cán bộ công chức, phòng ngừa tham nhũng; quy định việc công chức phải giải trình nguồn gốc tài sản khi có yêu cầu.

- Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật nhằm quản lý hiệu quả các lĩnh vực kinh tế - xã hội phòng ngừa tham nhũng, tập trung vào các lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng, như: quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản, xây dựng cơ bản, quản lý thu, chi ngân sách, quản lý tài sản công, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, công tác tổ chức, cán bộ...; xây dựng chế độ, định mức, tiêu chuẩn phù hợp.

- Cải cách cơ bản chế độ tiền lương, phụ cấp, bảo đảm đời sống cho cán bộ, công chức; thực hiện chính sách tiền lương hợp lý trong một số lĩnh vực đặc thù.

- Tiếp tục chỉ đạo nhằm minh bạch hơn nữa trong các hoạt động thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án liên quan đến tham nhũng, công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách, xây dựng và thực hiện pháp luật; chỉ đạo xử lý kịp thời những vụ việc tham nhũng đã được phát hiện.

- Nâng cao vai trò giám sát của Quốc hội, tăng cường giám sát hoạt động PCTN, trước hết là giám sát hoạt động đối với các cơ quan có chức năng về PCTN.

- Quy định cụ thể việc xử lý các trường hợp lợi dụng tố cáo để bôi nhọ, vu khống, làm giảm y tín của cán bộ, công chức và đảng viên.

- Một số kiến nghị cụ thể như sau:

+ Đối với Luật Phòng, chống tham nhũng: Cần mở rộng nội hàm của khái niệm tham nhũng, không chỉ ở lĩnh vực công mà cả ở lĩnh vực ngoài Nhà nước. Xây dựng lại khái niệm tài sản tham nhũng theo hướng “*tài sản tham nhũng là*

tài sản có nguồn gốc từ tham nhũng”, bỏ từ “*hành vi*”. Quy định như vậy để tạo cơ chế ngăn chặn việc tẩu tán tài sản tham nhũng ngay từ khi có dấu hiệu tham nhũng. Theo đó, các cơ quan thanh tra, điều tra hình sự có quyền đề nghị các cơ quan chức năng niêm phong, phong tỏa tài sản có nguồn gốc tham nhũng ngay từ đầu chứ không nhất thiết phải đợi đến khi có bản án của Tòa án. Cần quy định cụ thể cơ quan chuyên trách từ Trung ương đến địa phương thực hiện công tác PCTN.

+ Đối với việc chuyển đổi vị trí công tác: Cần được quy định rộng hơn, cụ thể hơn, kể cả đối tượng là cán bộ quản lý, lãnh đạo có chức vụ phụ trách công việc dễ xảy ra tham nhũng.

+ Việc kê khai tài sản, thu nhập: Hiện nay, đối tượng thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập rất rộng dẫn đến khó quản lý, khó kiểm soát và khai thác, sử dụng các dữ liệu về tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai. Hơn nữa, việc mở rộng các đối tượng có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập cũng dẫn đến sức ép về năng lực tổ chức thực hiện cho cơ quan có thẩm quyền và dẫn đến tính hình thức trong việc thực hiện. Cần nghiên cứu quy định lại đối tượng phải thực hiện kê khai và có quy định về cơ chế kiểm soát thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn.

+ Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng: Thực tế, việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng là rất ít, nhiều địa phương không có; việc phát hiện, xử lý tin báo về tặng quà, nhận quà gặp nhiều khó khăn; cần có quy định cụ thể về xử lý tin báo tặng quà, nhận quà rõ hơn như: Cơ quan nào thực hiện việc xử lý; thời hạn xử lý; công khai kết quả xử lý.

b) Đối với Tỉnh ủy

- Tiếp tục chỉ đạo cấp ủy các cấp thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 10/6/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí.

- Tăng cường công tác kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra cấp ủy các cấp; xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm, đặc biệt đối với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị dễ xảy ra tham nhũng.

- Nâng cao vai trò của Ban Nội chính Tỉnh ủy trong công tác phòng, chống tham nhũng; thực hiện việc dự báo tình hình tham nhũng để có biện pháp phòng ngừa kịp thời.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đặc biệt là những cơ quan chức năng về phòng, chống tham nhũng tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử để phòng ngừa và xử lý tham nhũng.

IV. Một số vụ việc cụ thể

1. Việc thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu thương mại dịch vụ và dân cư B-TM1 thuộc Khu đô thị mới Đông Hương - Thành phố Thanh Hóa và Dự án đầu tư xây dựng Khu biệt thự cao cấp có sử dụng đất cho Công ty TNHH Điện tử - Tin học - Viễn thông EITC và Dự án Khu biệt thự cao cấp xã Quảng Cư thị xã Sầm Sơn

a) Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500:

*** Dự án Khu biệt thự cao cấp xã Quảng Cư thị xã Sầm Sơn:**

Theo Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng số 04 XD/UB ngày 03/01/2007 của UBND thị xã Sầm Sơn, cơ cấu quy hoạch sử dụng đất được duyệt của dự án như sau:

- Tổng diện tích quy hoạch: 67.100 m²;

Trong đó: Diện tích đất xây dựng biệt thự: 35.529,8 m²; diện tích đất xây dựng nhà văn hoá, cây xanh, sân chơi: 1.235 m²; Đất giao thông nội bộ và quanh khu vực: 30.335,2 m².

*** Dự án Khu thương mại - dịch vụ và dân cư lô B-TM1 thuộc Khu đô thị mới Đông Hương, thành phố Thanh Hóa:**

Theo Mặt bằng quy hoạch chi tiết xây dựng Khu thương mại - Dịch vụ và dân cư B-TM1 thuộc Khu đô thị mới Đông Hương, thành phố Thanh Hoá số 988/QĐ-UBND ngày 28/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá, cơ cấu quy hoạch sử dụng đất được duyệt của dự án như sau:

Tổng diện tích quy hoạch: 29.110 m²

- Đất Thương mại (phức hợp):

+ Phức hợp 1: Diện tích 2.493,1 m²

+ Phức hợp 2: Diện tích 2.572,4 m²

- Đất ở:

+ Đất Biệt thự đơn lập: Diện tích 3.368,3 m²

+ Đất Biệt thự song lập: Diện tích 3.729,3 m²

+ Đất nhà phố: Diện tích 3.285,4 m²

- Đất cây xanh, công viên: Diện tích 428,0m²

- Đất giao thông, hạ tầng: Diện tích 13.233,1 m²

b) Hiện trạng khu đất khi tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư:

*** Dự án Khu biệt thự cao cấp xã Quảng Cư thị xã Sầm Sơn:**

Là đất ở của các hộ gia đình, cá nhân thôn Hồng Thắng, xã Quảng Cư; đất

nông nghiệp và đất lâm nghiệp do UBND xã Quảng Cư quản lý chưa được bồi thường GPMB.

* Dự án Khu thương mại - dịch vụ và dân cư lô B-TM1 thuộc Khu đô thị mới Đông Hương, thành phố Thanh Hóa:

Là đất nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân phường Đông Hương thành phố Thanh Hóa, đất giao cho Công ty TNHH Tây Đô và nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích do UBND phường Đông Hương quản lý chưa được bồi thường GPMB.

c) Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư:

Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư để GPMB thực hiện dự án được lập theo quy định của Luật Đất đai năm 2003, các Nghị định của Chính phủ số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 quy định bổ sung về việc quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư và các Thông tư hướng dẫn thi hành.

d) Việc tổ chức mời thầu:

Thực hiện công tác lựa chọn nhà đầu tư đảm bảo tuân thủ Luật Đấu thầu năm 2005, Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ; Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật nhà ở; Thông tư số 03/2009/TT-BKH ngày 16/4/2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất và các quy định hiện hành của Nhà nước.

e) Căn cứ xác định tiền sử dụng đất:

Thực hiện theo quy định của Luật đất đai năm 2003, các Nghị định của Chính phủ số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 về thu tiền sử dụng đất, số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 về phương pháp xác định giá và khung giá các loại đất; số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ; Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 về thu tiền sử dụng đất và các Thông tư hướng dẫn thi hành.

f) Tổng số tiền sử dụng đất đã nộp:

* Dự án Khu biệt thự cao cấp xã Quảng Cư thị xã Sầm Sơn:

- Tiền sử dụng đất nộp ngân sách Nhà nước sau khi trừ chi phí bồi thường GPMB (theo Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh) là 12.475.284.000 đồng.

- Tiền sử dụng đất đã nộp là 12.475.284.000 đồng.

* Dự án: Khu thương mại - dịch vụ và dân cư lô B-TM1 thuộc Khu đô thị mới Đông Hương, thành phố Thanh Hóa:

- Tiền sử dụng đất nộp ngân sách Nhà nước sau khi trừ chi phí bồi thường GPMB (theo Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 27/8/2013 của UBND tỉnh) là 28.854.000.000 đồng.

- Tiền sử dụng đất đã nộp là 28.854.000.000 đồng.

g) Tiến độ thực hiện dự án:

* Dự án Khu biệt thự cao cấp xã Quảng Cư thị xã Sầm Sơn:

- Theo hợp đồng: 03 năm, kể từ ngày 22/11/2010.

- Gia hạn hợp đồng đến ngày 30/12/2016.

* Dự án: Khu thương mại - dịch vụ và dân cư lô B-TM1 thuộc Khu đô thị mới Đông Hương, thành phố Thanh Hóa: 5 năm, kể từ ngày 10/10/2013.

2. Việc giải quyết đơn tố cáo của công dân

a) Đơn tố cáo của ông Lê Mạnh Hoàn trú tại thôn 9, xã Quảng Phú, thành phố Thanh Hóa.

Nội dung đơn ông Hoàn phản ánh gồm:

1. Năm 2004-2007, ông Lê Thành Nghĩa, Chủ tịch UBND xã và ông Nguyễn Xuân Quang kế toán chưa nộp ngân sách số tiền 4.222.506.000 đồng (đã được UBND huyện Quảng Xương Kết luận).

2. Từ năm 2010-2011, ông Nguyễn Văn Sự, Chủ tịch UBND xã và ông Vũ Văn Lợi, kế toán xã không nộp ngân sách 15.087.600.396 đồng. Năm 2012, ông Nguyễn Văn Sự, Chủ tịch UBND xã không nộp ngân sách 113.665.485.229 đồng.

3. Năm 2013, ông Nguyễn Văn Sự, Chủ tịch UBND xã không nộp ngân sách 6.620.653.214 đồng.

4. Lấy tiền từ ngân sách xã Quảng Phú chi bồi thường giải phóng mặt bằng dự án Quốc lộ 47 và Đại lộ Nam Sông Mã.

Các nội dung phản ánh nêu trên đã được UBND thành phố giải thích và trả lời ông Hoàn nhiều lần tại các Công văn: số 2090/UBND-TTtr ngày 11/7/2014; số 1195/UBND-TTtr ngày 15/4/2015; số 3786/UBND-TTtr ngày 21/10/2015 và số 4547/UBND-TTtr ngày 14/12/2015 về việc xử lý đơn của ông

Lê Mạnh Hoàn, nhưng ông Hoàn vẫn tiếp tục có đơn gửi đến nhiều cấp nhiều ngành.

Sau khi nhận được Công văn số 9464/UBND-TD ngày 16/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc chuyển và chỉ đạo giải quyết đơn của ông Lê Mạnh Hoàn, ngày 07 tháng 10 năm 2015, UBND thành phố tổ chức buổi làm việc để đối thoại với ông Lê Mạnh Hoàn tại UBND xã Quảng Phú, tham gia buổi làm việc gồm: Thanh tra thành phố; phòng Tài chính-Kế hoạch thành phố; Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, bí thư và trưởng thôn 9 xã Quảng Phú. Tại buổi làm việc, trên cơ sở hồ sơ, tài liệu có liên quan đã làm rõ với ông Lê Mạnh Hoàn các nội dung cụ thể như sau:

1. Về việc từ 2004-2007, ông Lê Thành Nghĩa, Chủ tịch UBND xã và ông Nguyễn Xuân Quang kế toán chưa nộp ngân sách số tiền 4.222.506.000 đồng. Nội dung này đã được Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương ban hành Kết luận số 73/KL-UBND ngày 18/3/2008 về công tác quản lý ngân sách xã và đã xử lý các cán bộ vi phạm theo quy định.

2. Về việc từ năm 2010-2011, ông Nguyễn Văn Sự, Chủ tịch UBND xã và ông Vũ Văn Lợi, kế toán xã không nộp ngân sách 15.087.600.396 đồng và năm 2012, ông Nguyễn Văn Sự, Chủ tịch UBND xã không nộp ngân sách 113.665.485.229 đồng.

Nội dung này đã được giải thích từ năm 2010-2012, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Kết luận số 2376/KL-UBND ngày 13/8/2013 về công tác quản lý ngân sách xã Quảng Phú, không có việc Chủ tịch UBND xã và cán bộ kế toán tham nhũng số tiền như ông Hoàn phản ánh.

3. Về việc năm 2013, ông Nguyễn Văn Sự, Chủ tịch UBND xã không nộp ngân sách 6.620.653.214 đồng:

Việc ông Hoàn cho rằng, năm 2013 ông Nguyễn Văn Sự, Chủ tịch UBND xã không nộp ngân sách hơn 6 tỷ đồng là không đúng, vì theo ông Hoàn: tổng thu ngân sách xã là 15 tỷ, gồm HĐND xã giao thu 9 tỷ cộng với thành phố giao thu 6 tỷ trừ đi số chi theo Nghị quyết HĐND xã là 9 tỷ nên số còn lại 6 tỷ không nộp ngân sách.

4. Về việc lấy tiền từ ngân sách xã Quảng Phú chi bồi thường giải phóng mặt bằng dự án Quốc lộ 47 và Đại lộ Nam Sông Mã.

Nội dung phản ánh nêu trên là không đúng vì: UBND xã Quảng Phú thu hộ, chi hộ đối với nguồn kinh phí bồi thường GPMB dự án Quốc lộ 47 và Đại lộ Nam Sông Mã.

Việc ông Hoàn phản ánh trong thời gian từ năm 2007 đến 2013 Chủ tịch,

kế toán xã Quảng Phú các thời kỳ tham nhũng số tiền là 143.828.696.403 đồng là không có cơ sở. UBND thành phố đã tổ chức buổi làm việc với ông Lê Mạnh Hoàn ngày 07/10/2015 để đối thoại và giải thích cho ông Hoàn rõ là nội dung tố cáo của ông là không có cơ sở (có biên bản đối thoại), tuy nhiên ông Hoàn vẫn cố tình không hiểu và tiếp tục có đơn tố cáo gửi đến nhiều cấp, nhiều ngành. Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hoá đề nghị lãnh đạo, các đoàn thể xã Quảng Phú tiếp tục tuyên truyền, giải thích cho ông Hoàn hiểu, chấp hành theo quy định của pháp luật, chấm dứt việc gửi đơn phản ánh, tố cáo không có cơ sở đến nhiều cấp, nhiều ngành.

Ngày 19/01/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá có Công văn số 622/UBND-TD về việc trả lời ông Lê Mạnh Hoàn và một số công dân xã Quảng Phú, thành phố Thanh Hóa: Nội dung đơn công dân tố cáo đã được Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương, Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hoá giải quyết từ năm 2008 đúng quy định pháp luật. Theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 20 Luật Tố cáo năm 2011, thì “Người có thẩm quyền không thụ lý giải quyết trong các trường hợp: Tố cáo về việc việc đã được giải quyết mà người tố cáo không cung cấp thông tin, tình tiết mới”.

b) Đơn của bà Trịnh Thị Vẻ, xóm 4, Xuân Yên, Thọ Xuân:

Nội dung khiếu nại của bà Trịnh Thị Vẻ đã được Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết tại Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 13/02/2009 và trả lời tại Công văn số 5426/UBND-TD ngày 06/10/2010. Theo đó, xác định việc gia đình bà Vẻ không thuộc đối tượng được giao đất nông nghiệp để sử dụng ổn định, lâu dài theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ. Việc UBND xã Xuân Yên giao diện tích 1000 m² đất nông nghiệp và lập hồ sơ trình UBND huyện Thọ Xuân cấp GCNQSD đất là sai.

UBND tỉnh Thanh Hóa báo cáo Tổ công tác của Thanh tra Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Cục Chống tham nhũng TTCP;
- Tổ công tác của TTCP;
- Phó Chủ tịch Lê Thị Thìn;
- Lưu: VT, NC (2).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thìn

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG
(Số liệu tính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2015)
(Kèm theo Báo cáo số: 20 /BC-UBND ngày 06/4/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU					
			2011	2012	2013	2014	2015	Tổng số
	<i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i>							
1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	106	95	76	137	297	681
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động	CQ, TC, ĐV	6	8	15	12	06	47
	<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>							
3	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản	51	72	77	157	71	428
4	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	21	17	35	54	23	150
5	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	29	37	45	18	28	157
6	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ	0	0	0	01	04	5
7	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	0	0	0	0	09	9
8	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người	0	0	0	0	0	0
9	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	0	0	0	0	0	0
10	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền).	Triệu đồng	0	0	0	0	102	102

11	Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0	0	0	0	102	102
12	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0	0	0	0	0	0
13	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	0	0	0	0	0	0
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của CB, công chức, viên chức</i>							
14	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC, ĐV	36	62	46	80	170	394
15	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0	0	0	0	02	2
16	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	277	463	384	317	260	1.701
	<i>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</i>							
17	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	61	65	70	73	01	270
18	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	0	0	0	0	01	1
	<i>Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức đơn vị để xảy ra tham nhũng</i>							
19	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	02	03	03	03	01	12
20	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0	0	0	0	0	0
21	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	02	03	02	03	01	11
	<i>Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán</i>							
22	Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính	CQ, TC, ĐV	16	25	31	40	170	170
23	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua TK trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc	%	72	81	92	92	95	95

NHỮNG VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ
SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG
(Kèm theo Báo cáo số: 20 /BC-UBND ngày 06/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên văn bản	Quy định có vướng mắc, bất cập	Phân tích cụ thể những vướng mắc, bất cập	Nội dung kiến nghị sửa đổi, bổ sung
1	Luật phòng, chống tham nhũng	1. Điều 1	1. Quy định hành vi tham nhũng chỉ xảy ra ở lĩnh vực công (có liên quan đến tài sản của Nhà nước) là chưa đủ. Thực tế cho thấy, trong khu vực tư cũng có việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản của tập thể, cá nhân.	1. Mở rộng nội hàm của khái niệm tham nhũng, không chỉ ở lĩnh vực công mà cả ở lĩnh vực ngoài nhà nước.
		2. Điều 2 khoản 1: <i>"Tài sản tham nhũng là tài sản có được từ hành vi tham nhũng, tài sản có nguồn gốc từ hành vi tham nhũng"</i>	2. Theo quy định này, để kết luận tài sản của một người có được do tham nhũng thì phải chứng minh người đó có hành vi tham nhũng (tức là bị kết án về tham nhũng). Nhưng từ khi phát hiện để tiến hành điều tra đến khi kết án phải trải qua một thời gian dài, người phạm tội và thân nhân của họ có đủ thời gian để tẩu tán tài sản, dẫn đến khó thu hồi lại tài sản bị thất thoát. Đây cũng là một trong những nguyên nhân gây ra khó khăn cho công tác thu hồi tài sản tham nhũng trong thời gian qua.	2. Xây dựng lại khái niệm tài sản tham nhũng theo hướng <i>"tài sản tham nhũng là tài sản có nguồn gốc từ tham nhũng"</i> , bỏ từ <i>"hành vi"</i> . Quy định như vậy để tạo cơ chế ngăn chặn việc tẩu tán tài sản tham nhũng ngay từ khi có dấu hiệu tham nhũng. Theo đó, các cơ quan thanh tra, điều tra hình sự có quyền đề nghị các cơ quan chức năng niêm phong, phong tỏa tài sản có nguồn gốc tham nhũng ngay từ đầu chứ không nhất thiết phải đợi đến khi có bản án của Tòa án.
		3. Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị và người có chức vụ, quyền hạn	3. Quy định cơ quan, tổ chức, đơn vị và người có chức vụ, quyền hạn thực hiện công tác PCTN là	3. Cần quy định cụ thể cơ quan chuyên trách riêng thực hiện công tác PCTN.

			chưa đủ.	
2	Bộ luật hình sự	Mục A, chương XXI - Các tội phạm về tham nhũng	1. Thiếu sót trong việc hình sự hóa các hành vi tham nhũng.	1. Bổ sung một số tội danh về tham nhũng cho phù hợp với các quy định tại Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng.
			2. Nhiều quy định chung chung, khó xác định và vận dụng trên thực tế, như: gây hậu quả nghiêm trọng khác, rất nghiêm trọng khác, đặc biệt nghiêm trọng khác.	2. Quy định cụ thể, rõ ràng hơn.
		Điều 279. Tội nhận hối lộ	- Khi tham gia Công ước Liên hợp quốc về PCTN nhận thấy có vướng mắc, bất cập như: Không quy định rõ, đầy đủ các hành vi nhận hối lộ và giá trị tài sản nhận hối lộ được quy ra bằng tiền là bao nhiêu thì phạm tội nhận hối lộ. - Khoảng cách giữa mức tối thiểu và mức tối đa của khung hình phạt tù có thời hạn quá dài.	- Theo yêu cầu của Công ước Chống Tham nhũng thì hành vi nhận hối lộ bao gồm: gạ gẫm người khác đưa hối lộ, nhận hối lộ,... vì vậy, để đáp ứng yêu cầu của Công ước thì cần đưa hành vi đòi hối lộ từ “cầu thành” tăng nặng lên “cầu thành cơ bản” và quy định cụ thể giá trị tài sản nhận hối lộ được quy ra bằng tiền là bao nhiêu. - Cần rút ngắn khoảng cách giữa mức tối thiểu và mức tối đa.
3	Nghị định 158/2007/NĐ-CP và Nghị định 150/2013/NĐ-CP của Chính phủ về chuyển đổi vị trí công tác	Điều 2. Đối tượng áp dụng	Mới chỉ quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức danh lãnh đạo, quản lý	Cần được quy định rộng hơn, cụ thể hơn, kể cả đối tượng có chức vụ phụ trách công việc dễ xảy ra tham nhũng